

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BẮC TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **113/2019/HSST**

NHÂN DANH

Ngày: 17/5/2019

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Sơn Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Huệ; bà Lê Thị Hạnh;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụ, Thẩm tra viên
tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Huyền, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 119/2019/HSST, ngày 25/4/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2019/HS-QĐ ngày 02/5/2019, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Duy Q, sinh năm 1986; Giới tính: Nam; ĐKNKTT: thôn L, xã TX, huyện Th, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Con ông: Nguyễn Duy C, sinh năm 1963; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con bà: Vũ Thị T, sinh năm 1969; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Vợ: Phạm Thị Tuyết Trinh, sinh năm 1988; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Có 01 con sinh năm 2012;

Tiền án, tiền sự: Không.

Danh bản, chỉ bản số 394 lập ngày 12/10/2018 tại Công an quận Bắc Từ Liêm.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/10/2018, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an TP Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Đàm Tuấn A, sinh năm 1985; Giới tính: Nam; ĐKNKTT: 12-B7, Đàm Trầu, phường B, quận H, Thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Con ông: Đàm Anh T, sinh năm 1960; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1969; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Tiền án, tiền sự: Không.

Danh bản, chỉ bản số 395 lập ngày 12/10/2018 tại Công an quận Bắc Từ Liêm.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/10/2018, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an TP Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa;

3. Họ và tên: Đặng Văn T, sinh năm 1994; Giới tính: Nam; ĐKNKTT: Thôn 1, xã ĐP, huyện Đ, tỉnh P; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn

hoá: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Con ông: Đặng Minh T, sinh năm 1951; Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí; Con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1962; Nghề nghiệp: Làm ruộng;

Tiền án: Bản án hình sự phúc thẩm số 1159/HSPT ngày 30/11/2016 của Tòa án nhân dân TP Hà Nội xử phạt 10 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đã chấp hành xong hình phạt, ra trại ngày 23/5/2018

Tiền sự: Không.

Danh bản, chỉ bản số 136 lập ngày 11/02/2019 tại Công an quận Bắc Từ Liêm.

Bị cáo đầu thú, tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/02/2019. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 1 Công an TP Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; NKTT: Số 8, ngõ 130, Tổ 9, phường Tr, quận C, Thành phố H; Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Duy Q, Đặng Văn T và Đàm Tuấn A cùng làm việc tại nhà hàng bia 38 khu đô thị thành phố Giao Lư. Ngày 25/7/2018, Nguyễn Duy Q cho chị Nguyễn Thị H vay số tiền 20.000.000 đồng, thời gian vay 01 tháng. Khi hết thời hạn, không thấy chị H trả tiền, Q nhiều lần gọi điện và tìm đến nhà chị H để đòi tiền thì chồng của chị H nói đã chia tay với chị H và mấy tháng nay chị H không về nhà. Sau đó chị H chặn số điện thoại, zalo và facebook của Q nên Q không liên lạc được với chị Hoa để đòi tiền. Q đã kể chuyện cho Đàm Tuấn A biết về việc chị H nợ tiền không trả.

Đến ngày 01/10/2018, Đàm Tuấn A nói với Q về việc chị H đang đăng tin trên mạng facebook giao bán sim điện thoại số 0915683983. Q nhờ Tuấn A giả vờ làm người mua sim điện thoại để hẹn gặp chị H. Tuấn A đồng ý lên mạng liên lạc với chị H hỏi mua sim và chị Hoa hẹn gặp Tuấn A ở khu vực ngã 3 Cầu Bươu, Thanh Trì, Hà Nội. Đến khoảng 16 giờ, ngày 02/10/2018, Q bảo Đặng Văn T đi cùng Tuấn A đến nơi hẹn với chị H để lấy tiền cho Q. Tuấn A điều khiển xe mô tô chở T đi đến khu vực phòng khám 16A Hà Đông, Hà Nội thì dừng lại để T gọi điện cho Q với nội dung “*Anh ơi xuống đi người ta có nợ bọn em đâu*”. Sau đó Q đi xe taxi đón Đặng Văn T ở khu vực phòng khám 16A Hà Đông, còn Tuấn A đi xe mô tô một mình.

Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Tuấn A gặp chị H ở đầu ngõ 3 Cầu Bươu. Sau khi nói chuyện về việc mua sim, Tuấn A mở cốp xe cho chị H cất túi xách vào để Tuấn A chở chị H đi đến phòng giao dịch của Vinaphone làm thủ tục chuyển đăng ký thuê bao sim điện thoại cho Tuấn A. Lúc này chị H khai: Chị H đang đứng quay lưng ra đường mặc áo chống nắng để lên xe đi cùng Tuấn A

thì Q và T đi xe taxi đến. T ngồi ở ghế sau xe taxi mở cửa xuống xe kéo chị H đẩy vào trong xe taxi và ngồi chặn vào cửa xe. Chị H thấy vậy nói “*Các em bắt chị đi đâu*” thì thấy Q ngồi ở ghế phụ phía trên nói “*Đi về quán*”.

Khi về đến nhà hàng bia 38, Q bắt chị H xuống xe đi theo T. T đưa chị H lên phòng Vip tầng hai của quán rồi xông vào dùng tay tát vào mặt, vào đầu chị H nói “*vay thì phải trả*”. Sau đó Q và Tuấn A cũng vào phòng chửi, đe dọa và dùng tay tát vào đầu vào mặt chị H. Do bị đánh nên chị H nói để chị gọi điện cho người nhà mang tiền đến. Sau đó chị H gọi điện và nhắn tin cho anh Trần Mạnh H với nội dung đang bị nhốt, bị đánh vì nợ tiền.

Thấy chị Hoa gọi điện và nói sẽ có người mang tiền đến thì Q bảo Tuấn A ở lại phòng trông chị H rồi Q cùng T đi xuống tầng một bán hàng.

Anh H sau khi nhận được tin nhắn của chị H và biết được địa chỉ nhà hàng bia 38 từ hình ảnh gói khăn lạnh mà chị H chụp được gửi cho anh H đã đến công an phường Cổ Nhuế 1 trình báo sự việc. Đến khoảng 19 giờ 50 phút, Công an phường Cổ Nhuế 1 đến nhà hàng bia 38 đưa chị H cùng Q và Tuấn A về trụ sở lập biên bản phạm tội quả tang. Còn Đặng Văn T khi thấy công an đến nhà hàng đã bỏ trốn.

Vật chứng thu giữ của Nguyễn Duy Q gồm: 01 điện thoại Iphone 7 plus màu vàng, sim số 0984263838;

Của Đàm Tuấn A gồm: 01 điện thoại Iphone 6 plus màu đỏ, sim số 0946235701.

Biên bản kiểm tra tin nhắn Zalo số điện thoại 0985967968 của anh Trần Mạnh H thể hiện các tin nhắn chị H đã nhắn cho anh H có nội dung như lời khai của chị H.

Biên bản kiểm tra điện thoại của Nguyễn Duy Q thể hiện tin nhắn của Tám nhắn cho Q “*Tý a cho n lên xe mang về quán anh ạ*” và tin nhắn của Q nhắn cho A.Thịnh có nội dung “*Gọi lại em bảo chiều đi với em bắt con Hoa nợ nhé*”.

Biên bản xác minh thương tích ban đầu của chị Nguyễn Thị H vào hồi 23 giờ 30 phút, ngày 02/10/2018 tại bệnh viện E thể hiện: Bệnh nhân vào viện tình, sưng nề vùng đỉnh cằm... Chẩn đoán ban đầu: Chấn thương phần mềm vùng đầu.

Ngày 04/11/2018, cơ quan điều tra đã ra quyết định số 527 trưng cầu Trung tâm pháp y Hà Nội giám định thương tích của chị Nguyễn Thị H nhưng chị H có đơn xin từ chối giám định thương tích với lý do thương tích không đáng kể.

Do Đặng Văn T bỏ trốn nên ngày 28/12/2018, cơ quan điều tra đã ra lệnh truy nã đối với Tám, ngày 10/02/2019 Đặng Văn T đến công an phường Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội đầu thú và khai nhận việc Tám, Quyền và Tuấn A đều

đánh chị H tại phòng vip tầng 2 của nhà hàng bia 38 phù hợp với lời khai của chị Hoa.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Duy Q và Đàm Tuấn A thừa nhận việc đánh chị H nhưng đều khai nhận mục đích đưa chị H từ Cầu Bươu, Thanh Trì về quán bia 38, yêu cầu chị H trả tiền và giữ chị H ở đó để chờ người nhà chị H mang tiền đến trả. Căn cứ lời khai của chị Nguyễn Thị H, của Đặng Văn T và biên bản xác minh thương tích ban đầu của chị H đủ căn cứ chứng minh Nguyễn Quy Quyền và Đàm Tuấn A có hành vi dùng tay đánh vào mặt và vào đầu chị H tại phòng vip tầng 2 nhà hàng bia 38.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, gia đình Nguyễn Duy Q đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị H 5.000.000 đồng tiền chị H đi khám thương tại bệnh viện E. Chị H đã nhận tiền và không có yêu cầu gì.

Về 02 chiếc điện thoại thu giữ của Nguyễn Duy Q và Đàm Tuấn A xác định Q và Tuấn A sử dụng vào việc bắt giữ chị H. Hiện 02 chiếc điện thoại thu giữ theo hồ sơ vụ án.

Tại Bản cáo trạng số 100/CT-VKS ngày 24/4/2019, Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Duy Q; Đàm Tuấn A và Đặng Văn T về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” theo Khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự và tội “Cướp tài sản” theo Khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa Đại diện VKS **đề nghị** Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 1 Điều 157; Khoản 1 Điều 168; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy Q mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù, về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”; mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp đề nghị Tòa án xử phạt bị cáo Q mức án từ 04 năm 03 tháng đến 05 năm tù;

Xử phạt bị cáo Đàm Tuấn A mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù, về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”; mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp đề nghị Tòa án xử phạt bị cáo Tuấn A mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 03 tháng tù;

Áp dụng Khoản 1 Điều 157; Khoản 1 Điều 168; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Đặng Văn T mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù, về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”; mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp đề nghị Tòa án xử phạt bị cáo T mức án từ 04 năm đến 04 năm 09 tháng tù;

Về dân sự: Không. Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Bị cáo và Kiểm sát viên không có ý kiến gì về Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm truy tố các bị cáo Nguyễn Duy Q; Đàm Tuấn A và Đặng Văn T về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và tội “Cướp tài sản” cũng như phần luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Các bị cáo trong lời nói sau cùng cũng nhận tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho mình, để các bị cáo yên tâm đi cải tạo, sớm trở về xã hội để giúp đỡ gia đình và trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Khoảng 17 giờ, ngày 02/10/2018, Nguyễn Duy Q, Đặng Văn T và Đàm Tuấn A có hành vi bắt giữ và đưa chị Nguyễn Thị H từ Cầu Bươu, Thanh Trì, Hà Nội về nhà hàng Bia 38, khu đô thị thành phố Giao Lưu, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội. Tại đây Q, T và Tuấn A đã nhốt chị vào phòng Vip tầng 2 của quán, rồi dùng tay tát vào đầu, vào mặt chị H chửi bới, đe dọa và giữ ở đây đến 19 giờ 50 cùng ngày để chờ người nhà chị H mang 20 triệu đồng tiền chị H nợ Q đến trả cho Q thì bị cơ quan điều tra bắt quả tang. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành “Bắt giữ người trái pháp luật” được quy định tại Khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự và tội “Cướp tài sản” được quy định tại Khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 157 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào bắt giữ người trái pháp luật..... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 03 năm”

Điều 168 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm”.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được luật hình sự bảo vệ, đã xâm phạm đến quyền tự do dân chủ của công dân, gây mất trật tự trị an địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân và để lại dư luận xấu trong nhân dân. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích là tư lợi.

Đây là vụ án đồng phạm đơn giản, các bị cáo hành động bột phát, không có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng. Xét vai trò của từng bị cáo thì thấy: Đối với Nguyễn Duy Q đã ra lệnh cho bị cáo Tuấn A và Tám bắt giữ chị H. Đồng thời

bị cáo là người có lời nói đe dọa, đánh và yêu cầu chị H trả tiền. Như vậy, bị cáo Q có vai trò chính trong vụ án và phải chịu mức hình phạt cao nhất.

Các bị cáo Đặng Văn T và Đàm Tuấn A là những người có hành vi cùng Nguyễn Duy Q bắt giữ trái pháp luật, đồng thời đánh chị H để yêu cầu trả tiền. Tuy nhiên, các bị cáo chỉ tiến hành việc bắt giữ và đe dọa, đánh đập theo lệnh của Nguyễn Duy Q nên các bị cáo có vai trò ngang nhau trong vụ án

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Duy Q, Đàm Tuấn A không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Đối với bị cáo Đặng Văn T, ngày 30/11/2016 bị cáo bị Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt 10 tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngày 23/5/2018 bị cáo mới chấp hành xong bản án, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo thể hiện, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Bị cáo Q đã tự nguyện sửa chữa bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại, bị cáo đã từng có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, bảo vệ tổ quốc; Bị cáo Q và Tuấn A nhân thân chưa tiền án, tiền sự, lần đầu bị đưa ra xét xử; Bị cáo Tám tự nguyện ra đầu thú. Vì vậy, bị cáo Q được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo Tuấn A, T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xem xét về nhân thân của bị cáo các, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo và áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt cho các bị cáo khi các bị cáo phạm nhiều tội.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại Khoản 5 Điều 157 Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 đến 05 năm*”; Khoản 5 Điều 168 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Tuy nhiên, các bị cáo là đối tượng lao động tự do, nghề nghiệp và thu nhập không ổn định. Vì thế, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về dân sự: Người bị hại không có yêu cầu về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan công an thu giữ của các bị cáo 02 điện thoại di động. Hội đồng xét xử xét đây là tài sản liên quan đến hành vi phạm tội và không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Vì thế, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự để tịch thu tiêu hủy, sung công quỹ hoặc trả lại cho các bị cáo. Cụ thể: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu vàng, lắp sim số 0946235701 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu kiểu dáng Iphone Product màu đỏ, lắp sim số 0984263838 là những tài sản liên quan đến hành vi phạm tội cần được tịch thu sung quỹ.

Các bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Duy Q, Đàm Tuấn A và Đặng Văn T phạm tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và tội “Cướp tài sản”.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 157; Khoản 1 Điều 168; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy Q 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và 39 (Ba mươi chín) tháng tù, về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo Q phải chấp hành hình phạt chung là 45 (Bốn mươi lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/10/2018.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 157; Khoản 1 Điều 168; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Đàm Tuấn A 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo Tuấn A phải chấp hành hình phạt chung là 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/10/2018.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 157; Khoản 1 Điều 168; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và 39 (Ba mươi chín) tháng tù, về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung là 45 (Bốn mươi lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/02/2019.

2. Về vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu vàng, lắp sim số 0984263838, máy đã qua sử dụng, không xác định chất lượng của máy và 01 điện thoại di động nhãn hiệu kiểu dáng Iphone

Product màu đỏ, lắp sim số 0946235701, máy đã qua sử dụng, không xác định chất lượng của máy;

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 81/19 ngày 16/01/2019 giữa Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Bắc Từ Liêm)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Mỗi bị cáo phải nộp **200.000đ** (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Nơi nhận:

- VKSND quận Bắc Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an quận Bắc Từ Liêm;
- Chi cục THADS quận Bắc Từ Liêm;
- TT lý lịch-Sở Tư pháp Hà Nội;
- Bị cáo;
- Lưu HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Sơn Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA